

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 109/2025/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy trình kiểm tra nội dung
về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 122/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 216/2025/NĐ-CP quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định 217/2025/NĐ-CP về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 10240/TTr-STC ngày 18 tháng 12 năm 2025, Báo cáo thẩm định số 372/BC-STP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Sở Tư pháp và ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quyết định ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2026.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Vũ Văn Diện

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUY ĐỊNH

**Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh
đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 109/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Quy định cụ thể trình tự, trách nhiệm và phương thức phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước khi tổ chức kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Bảo đảm hoạt động kiểm tra được thực hiện đúng pháp luật, công khai, minh bạch, tránh trùng lặp, chồng chéo, không gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, kịp thời phát hiện vi phạm và hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm c, khoản 5, Điều 23 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra; Doanh nghiệp, hộ kinh doanh là đối tượng kiểm tra.

Điều 4. Nguyên tắc

- Tuân theo pháp luật, khách quan, kịp thời, chính xác.
- Bảo đảm sự phối hợp với các cơ quan liên quan; không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng kiểm tra.
- Ưu tiên việc tiến hành kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử. Miễn kiểm tra thực tế đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh tuân thủ tốt quy định của pháp luật.

Chương II

THẨM QUYỀN, HÌNH THỨC, THỜI HẠN VÀ TUẦN SUẤT KIỂM TRA

Điều 5. Thẩm quyền kiểm tra

1. Giám đốc Sở Tài chính có thẩm quyền kiểm tra về nội dung đăng ký kinh doanh đối với các doanh nghiệp, cá nhân trong phạm vi được giao tham mưu, giúp UBND tỉnh Quảng Ninh.

2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, phường, đặc khu có thẩm quyền kiểm tra về đăng ký kinh doanh đối với các hộ kinh doanh, cá nhân trong phạm vi được giao tham mưu, giúp UBND xã, phường, đặc khu.

Điều 6. Hình thức, thời hạn và tần suất kiểm tra

1. Hình thức kiểm tra

Việc tiến hành kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.

Người có thẩm quyền kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động kiểm tra; tăng cường kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử để tiết kiệm thời gian, chi phí, nguồn lực; bảo đảm hoạt động kiểm tra được thực hiện kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

2. Thời hạn kiểm tra

a) Cuộc kiểm tra về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp của Sở Tài chính thực hiện thì thời hạn kiểm tra không quá 10 ngày, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 05 ngày.

b) Cuộc kiểm tra về đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu thực hiện thì thời hạn kiểm tra không quá 07 ngày, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 03 ngày.

c) Thời hạn kiểm tra được tính từ ngày công bố quyết định kiểm tra.

3. Tần suất kiểm tra: Số lần kiểm tra đối với mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm.

Chương III

LẬP, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH, CÔNG KHAI KẾ HOẠCH KIỂM TRA; NỘI DUNG, TRÌNH TỰ KIỂM TRA

Điều 7. Phối hợp lập, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm tra

1. Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm (riêng năm 2026 trước ngày 30 tháng 01 năm 2026), Sở Tài chính và UBND xã, phường, đặc khu căn cứ định hướng, kế hoạch công tác xây dựng dự thảo kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh của năm kế tiếp gửi Thanh tra tỉnh.

2. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối tổng hợp, xử lý chồng chéo, trùng lặp trong công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định.

Điều 8. Quyết định kiểm tra

1. Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra

a) Theo kế hoạch kiểm tra hàng năm được phê duyệt.

b) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc sự cố, sự kiện, dấu hiệu bất thường theo quy định của pháp luật;

c) Theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND các cấp; theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Nội dung quyết định kiểm tra

a) Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra;

b) Phạm vi, nội dung kiểm tra;

c) Đối tượng kiểm tra;

d) Thời hạn kiểm tra;

đ) Thành phần Đoàn kiểm tra.

3. Quyết định kiểm tra được công bố với đối tượng kiểm tra khi tiến hành kiểm tra, trừ trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật quả tang quy định tại khoản 1 Điều 11 của Quy trình này.

Điều 9. Thành lập đoàn kiểm tra

1. Đoàn kiểm tra được thành lập để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo quyết định của người có thẩm quyền. Đoàn kiểm tra gồm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn (nếu có) và các thành viên.

2. Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra phải là người am hiểu pháp luật, có năng lực, chuyên môn phù hợp với nội dung kiểm tra; không trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật, xử lý hình sự; không thuộc trường hợp xung đột lợi ích đối với đối tượng kiểm tra theo quy định. Trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành được bồi dưỡng về nghiệp vụ kiểm tra chuyên ngành.

3. Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, các cơ quan liên quan có trách nhiệm cử thành viên tham gia đoàn kiểm tra bảo đảm yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 10. Lập kế hoạch tiến hành kiểm tra

1. Người được giao làm Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm xây dựng, ban hành kế hoạch tiến hành kiểm tra, trình người ra quyết định kiểm tra phê duyệt.

2. Kế hoạch tiến hành kiểm tra có các nội dung gồm: Mục tiêu, yêu cầu, đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm, phương thức kiểm tra, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn kiểm tra và dự kiến các nguồn lực cho hoạt động kiểm tra.

Điều 11. Tiến hành kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Công bố quyết định kiểm tra

Trưởng đoàn kiểm tra công bố quyết định kiểm tra với đối tượng kiểm tra và thông báo chương trình làm việc.

Trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật quả tang thì tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Đoàn kiểm tra tiến hành thu thập, xem xét, đánh giá thông tin, hồ sơ, tài liệu có liên quan.

3. Lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính, xử lý kết quả kiểm tra

a) Đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra, nêu rõ thành phần Đoàn kiểm tra, đối tượng kiểm tra, tổ chức, cá nhân có liên quan, nội dung kiểm tra, kết quả xác minh, ý kiến của đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Biên bản kiểm tra có chữ ký của Trưởng đoàn kiểm tra, đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Trường hợp đối tượng kiểm tra không ký biên bản kiểm tra thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc đối tượng kiểm tra không ký biên bản;

b) Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính thì Đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp qua kiểm tra mà chưa đủ thẩm quyền để xem xét, đánh giá, làm rõ thì Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra đề nghị cơ quan thanh tra có thẩm quyền tiến hành thanh tra;

d) Trường hợp phát hiện dấu hiệu tội phạm, Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra đề nghị khởi tố và chuyển hồ sơ vụ việc, tài liệu có liên quan đến cơ quan điều tra xem xét, quyết định việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật;

đ) Trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của người ra quyết định kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, văn bản yêu cầu chấn

chính, khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra trình người ra quyết định kiểm tra.

Điều 12. Tổ chức thực hiện quyết định xử lý về kiểm tra

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị tiến hành kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc theo dõi, đôn đốc thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các quyết định khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật có liên quan, văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra (nếu có); trường hợp cần thiết thì báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp trên để có biện pháp xử lý, bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các quyết định xử lý về kiểm tra.

2. Đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyết định xử lý về kiểm tra.

Điều 13. Xử lý vi phạm

1. Người có thẩm quyền kiểm tra vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra; can thiệp trái pháp luật vào hoạt động của đối tượng kiểm tra; nhận hối lộ, quà tặng hoặc lợi ích vật chất, tinh thần dưới bất kỳ hình thức nào từ đối tượng kiểm tra; sử dụng trái pháp luật thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình kiểm tra; lập biên bản kiểm tra sai sự thật, giả mạo hồ sơ, tài liệu; các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng kiểm tra và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm: Cản trở, chống đối, đe dọa, uy hiếp người thi hành công vụ trong quá trình kiểm tra; không chấp hành quyết định kiểm tra, yêu cầu của Đoàn kiểm tra; che giấu, tiêu hủy, giả mạo tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung kiểm tra; không cung cấp hoặc cung cấp thông tin, tài liệu không đầy đủ, không kịp thời, không trung thực, thiếu chính xác cho Đoàn kiểm tra; đưa hối lộ, môi giới hối lộ; tác động làm sai lệch kết quả kiểm tra; các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định thì bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương IV

CÔNG TÁC PHỐI HỢP, CHIA SẺ THÔNG TIN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA; THEO DÕI, KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA

Điều 14. Công tác phối hợp, chia sẻ thông tin và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong hoạt động kiểm tra

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kiểm tra theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, các cơ quan liên quan thống nhất cử một cơ quan chủ trì, các cơ quan liên quan khác cử cán bộ tham gia. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ biên bản của đoàn kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình kiểm tra, đoàn kiểm tra phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, đoàn kiểm tra có trách nhiệm thông báo hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập đối với vi phạm trên.

Điều 15. Theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra

1. Các Sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm theo dõi, kiểm soát cuộc kiểm tra được thực hiện đúng thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật; không để xảy ra tình trạng chông chéo, trùng lặp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và trách nhiệm giải trình của các đơn vị, cá nhân có liên quan.

2. Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo tiến độ và kết quả kiểm tra theo yêu cầu. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của tài liệu, hồ sơ kiểm tra. Hồ sơ kiểm tra được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định nội bộ của cơ quan; bảo đảm an toàn và khả năng tra cứu.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, UBND các xã, phường, đặc khu chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung của quy trình này.

2. Kinh phí triển khai công tác kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật thời điểm ra quyết định kiểm tra.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh mới, các cơ quan tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.